

Bản án số: 01/2022/DS-ST

Ngày 24-01-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hoài Mơ; bà Nguyễn Thị Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thẩm thụ lý số: 51/2021/TLST-DSTC ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2021/QĐXXST- DS ngày 10 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2021/QĐST- DSTC ngày 27/12/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: Quan 1, xã Đông Hưng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Hồ A N, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đông Hương, xã Đông Hưng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Tô Văn Đ, sinh năm 1972 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Quan 1, xã Đông Hưng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

Chị Hứa Thu B, sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Đông Hương, xã Đông Hưng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 28/9/2021 cùng các lời khai nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị và vợ chồng anh Hồ A N, chị Hứa Thị B có quan hệ quen biết. Vợ chồng anh N, chị B có đến gia đình chị vay số tiền 51.200.000 đồng. Khi vay có viết giấy tờ vay nợ anh Hồ A N có ký vào giấy vay nợ, chị Hứa Thị B không ký vào giấy vay nợ, có hẹn thời gian trả nợ là ngày 18/6/2020 và có thoả thuận lãi suất ghi cụ thể trong giấy vay nợ 1%/tháng. Đến hạn trả nợ trên nhưng anh N, chị B không trả tiền chị. Chị có đến đòi Nêu lần nhưng vợ chồng anh N, chị B không trả. Nay chị khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị B, anh N

phải trả chị số tiền gốc 51.200.000 đồng và tiền lãi của khoản tiền này theo quy định của pháp luật tính từ ngày 18/5/2020 cho đến khi xét xử.

Chị xác định khoản tiền cho vợ chồng anh N, chị B vay là tiền của vợ chồng chị và anh Tô Văn Đ, sinh năm 1972, địa chỉ: Quan 1, xã Đông Hưng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Tại phiên tòa hôm nay chị T xác định vợ chồng anh N, chị B chưa trả được chị số tiền lãi và tiền gốc nào. Nay chị yêu cầu vợ chồng anh N, chị B phải trả chị số tiền gốc là 51.200.000 đồng và tính lãi suất của khoản tiền nợ gốc này theo mức 0,75%/tháng tính từ ngày 18/5/2020 cho đến ngày 18/01/2022.

Bị đơn là anh Hồ A N trình bày: Vợ chồng anh và chị Phạm Thị T là chỗ quen biết. Nên anh có vay tiền để làm ăn và chót nợ vào ngày 18/5/2020 tổng là 51.200.000 đồng. Theo như giấy vay nợ chị T nộp theo đơn khởi kiện là đúng:

Nay chị T khởi kiện yêu cầu trả tiền quan điểm của anh là anh nhất trí trả số tiền gốc là 51.200.000 đồng còn lãi xuất phát sinh anh xin không trả vì do dịch cô vít nên gia đình anh khó khăn không có thu nhập gì.

Tại phiên tòa hôm nay anh N vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Tô Văn Đ trình bày: Anh là chồng của chị Phạm Thị T ngày 18/5/2020 anh Hồ A N có đến nhà anh vay số tiền 51.200.000 đồng đến nay anh N chưa trả số tiền đó là tiền chung của vợ chồng anh. Nay anh nhất trí với quan điểm của vợ anh là chị Phạm Thị T yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh N chị B trả vợ chồng anh số tiền gốc 51.200.000đ và lãi phát sinh theo quy định của pháp luật từ ngày vay đến khi xét xử.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Hứa Thu B trình bày chị là vợ của anh Hồ A N việc vay nợ của chồng chị với chị Phạm Thị T chị không biết chị nhất trí với ý kiến của chồng chị là vợ chồng chị đồng ý trả số tiền gốc 51.200.000đ còn số tiền lãi chị xin không trả vì gia đình chị đang gặp khó khăn do cô vít nên không có thu nhập gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa chấp hành nghiêm chỉnh đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ:

Căn cứ Khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 158; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T.

Buộc anh Hồ A N phải trả cho chị Phạm Thị T và anh Tô Văn Đ số tiền gốc 51.200.000 đồng và số tiền lãi phát sinh: $9\% \times 51.200.000 \times 610 : 365 = 7.701.000$. Tổng số tiền anh N phải trả vợ chồng chị T, anh Điền là 58.901.000 đồng.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn anh Hồ A N đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt các văn bản theo quy định của pháp luật. Tại phiên Tòa hôm nay anh N vắng mặt lần 2 không có lý do, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Tô Văn Đ, chị Hứa Thu B có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu trả nợ gốc và nợ lãi của chị Phạm Thị T, HĐXX thấy:

[2.1.1] Về yêu cầu trả tiền gốc: Ngày 18/5/2020 anh N có đến nhà chị T vay tổng số tiền 51.200.000 đồng, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền, lãi suất 1%, thời hạn trả là 01 tháng kể từ ngày vay. Tuy N đến hạn vợ chồng anh N chị B không thanh toán khoản tiền đã vay, chị T đã đến yêu cầu anh N chị B thanh toán trả nợ Nều lần nhưng anh N, chị B không trả. Nay chị T khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh N chị B trả chị số tiền gốc 51.200.000đ và số lãi phát sinh theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay 18/5/2020 đến ngày 18/01/2022 là tròn 20 tháng. Xác định đây là giao dịch dân sự hợp pháp, hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, có lãi. Trong quá trình làm việc vợ chồng anh N, chị B thừa nhận còn nợ chị T số tiền như chị T đã khởi kiện, tuy N vợ chồng anh N, chị B xin không trả số tiền lãi phát sinh do hoàn cảnh khó khăn không có thu nhập do dịch cô vít 19. Do đó việc chị T yêu cầu anh N chị B trả số tiền nợ gốc là 51.200.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo Điều 463, khoản 5 Điều 466, Điều 470 BLDS.

[2.1.2] Về yêu cầu tính lãi của khoản tiền gốc 51.200.000 đồng của chị Phạm Thị T tính từ ngày 18/5/2020 đến ngày (18/01/2022) với mức lãi suất theo quy định của pháp luật mà không theo như thỏa thuận ghi trong giấy vay nợ, HĐXX thấy: Hợp đồng vay tiền giữa chị T và vợ chồng anh N chị B là hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi suất, nay xét yêu cầu của chị T yêu cầu tính lãi của khoản tiền vay 51.200.000 đồng tính từ ngày 18/5/2020 đến ngày 18/01/2022 với mức lãi suất 0,75 % / tháng vẫn đảm bảo đúng theo quy định theo Điều 357, Điều 466; Điều 468 BLDS năm 2015.

Tại phiên tòa chị T yêu cầu thời gian tính lãi từ ngày 18/5/2020 đến khi ngày 18/01/2022 chị yêu cầu tròn 20 tháng. Số tiền lãi là $(51.200.000 \text{ đồng} \times 20 \text{ tháng} \times 0,75\%/\text{tháng}) = 7.680.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền gốc và tiền lãi là: 58.880.000 đ

[2.4] Thời điểm ký giấy vay tiền anh Hồ A N, chị Hứa Thu B là vợ chồng, việc chị B trình bày không biết việc anh N vay tiền của chị T và anh N vay tiền của chị T vì mục đích gì là không có căn cứ, hơn nữa các giao dịch dân sự do anh N thực hiện trong thời kỳ hôn nhân là phục vụ cho mục đích làm ăn kinh tế chung cho gia đình, giữa chị B và anh N không có thỏa thuận về tài sản riêng. Do đó, cần buộc anh N và chị B có trách nhiệm thanh toán khoản tiền đã vay cho chị T là đảm bảo theo Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn là anh Hồ A N và chị Hứa Thu B phải chịu toàn bộ án phí DSST theo Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mức án phí là 2.944.000 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T:

Buộc vợ chồng anh Hồ A N, chị Hứa Thu B phải trả cho chị Phạm thị T tổng số tiền 58.880.000 đồng trong đó số tiền gốc là 51.200.000 đồng và tiền lãi 7.680.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. *Về án phí*: Anh Hồ A N chị Hứa Thu B phải chịu 2.944.000 đồng án phí DSST. Hoàn trả chị Phạm Thị T 1.500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0013281 ngày 07/10/2021 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

3. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lự